

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
dự án Trung tâm Hội nghị và Triển lãm tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 12/10/2021 của HĐND tỉnh khóa XIII về chủ trương đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Hội nghị và Triển lãm tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Ban hành quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ các Quyết định: Số 489/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu đô thị trung tâm thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi - tỷ lệ 1/2000; số 825/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại vị trí lô đất ký hiệu OM2-02B và OM2-03 thuộc đồ án Quy hoạch phân khu đô thị trung tâm thành phố Quảng Ngãi để thực hiện dự án Trung tâm Hội nghị và Triển lãm tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc công trình Trung tâm Hội nghị và Triển lãm tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh về việc giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trung tâm Hội nghị và Triển lãm tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 1516/TTr-

BQLDDCN ngày 15/9/2022 và đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 2106/SXD-QLHĐXD ngày 04/10/2022 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Hội nghị và Triển lãm tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Trung tâm Hội nghị và Triển lãm tỉnh, với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Trung tâm Hội nghị và Triển lãm tỉnh.
2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.
3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh.
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
 - 4.1. Mục tiêu: Xây dựng Trung tâm Hội nghị và Triển lãm tỉnh với quy mô, cảnh quan kiến trúc hài hòa, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, trang thiết bị, tiện nghi sử dụng hiện đại để tổ chức các hội nghị lớn của tỉnh, vùng miền; các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế, thương mại có ý nghĩa quan trọng; hội chợ, triển lãm ngoài trời với quy mô lớn, hiện đại.
 - 4.2. Quy mô:
 - Đầu tư xây dựng mới 01 khối nhà Hội nghị và Triển lãm và hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh nhà tại khu đất CC-01, tổng diện tích 14.800m², khối nhà Hội nghị và Triển lãm cao 03 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 11.736m².
 - Đầu tư xây dựng mới 01 khu triển lãm hội chợ ngoài trời tại khu đất CX, tổng diện tích khoảng 27.411m². Gồm các khu: Khu tổ chức hội chợ, triển lãm 500 gian hàng tiêu chuẩn, mỗi gian hàng có kích thước 3mx3m; Quảng trường; Sân khấu ngoài trời; Trục cảnh quan; Sân thể thao; Khu Vệ sinh ngoài trời; Sân đường nội bộ; Bãi đỗ xe, Cây xanh, thảm cỏ; Hệ thống xử lý nước thải.
 - Đầu tư xây dựng mới 01 bãi đỗ xe, cây xanh, thảm cỏ tại khu đất P-07, tổng diện tích khoảng 4.117m².
 - Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước ngoài nhà.
 - Trang thiết bị toàn bộ công trình.
 - 4.3. Giải pháp thiết kế:
 - 4.3.1. Tổng mặt bằng:

Lô đất CC-01 có diện tích 14.800 m², nằm trên trục đường Phạm Văn Đồng là trục giao thông chính kết nối với trung tâm thành phố và các khu dân cư lân cận nên lô đất này được chọn để bố trí khối Hội nghị và Triển lãm trong nhà, đồng thời cũng được chọn làm lối tiếp cận chính của công trình, ngoài ra còn có lối tiếp cận từ trục đường Cao Bá Quát nhằm tăng tính kết nối, tương tác, thuận tiện tiếp cận công trình cho người sử dụng. Mật độ xây dựng khu đất này là 36,5%.

Lô đất CX và P-07 có lối tiếp cận chính thông qua trục đường Cao Bá Quát và bị chia cắt bởi đường 30 Tháng 4. Khu đất CX có diện tích 27.441m^2 phù hợp để quy hoạch khu công viên cảnh quan và triển lãm ngoài trời. Khu P-07 có diện tích 4.117m^2 nằm giữa hai khu đất CC-01 và CX nên một phần khu đất này được định hướng trở thành khu vực đỗ xe của cả hai khu nhằm linh hoạt, tối ưu hóa trong việc vận hành, sử dụng, mặt khác một phần đất tại ngã tư đường Cao Bá Quát giao với đường 30-4 được định hướng trở thành khu vực cảnh quan, giao thông kết nối tổng thể ba khu đất.

4.3.2. Khối nhà Hội nghị và Triển lãm và hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh nhà tại khu đất CC-01:

a) Kiến trúc:

Phương án thiết kế kiến trúc công trình do Chủ đầu tư trình thẩm định cơ bản phù hợp theo Phương án thiết kế kiến trúc đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 06/5/2022.

Thiết kế khối nhà cao 03 tầng, diện tích xây dựng khoảng 5405m^2 ; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 11.736m^2 ; khối nhà được bố trí ở giữa khu đất; Mặt bằng thiết kế hình chữ nhật, giao thông đứng thiết kế 09 cầu thang bộ (trong đó có 04 thang bộ chỉ đi từ tầng 1 đến tầng 2) và 03 thang máy; chiều cao tầng: 5,5m, tổng chiều cao công trình khoảng 16,5m; mái bằng BTCT, trên lát gạch chống nóng; tường xây gạch, hoàn thiện bả matit, sơn nước kết hợp vách kính + ốp gạch, đá tạo điểm nhấn; nền, sàn khối nhà lát gạch granite, đá Granite; toàn bộ cửa đi, cửa sổ, vách kính thiết kế khung nhôm cao cấp, kính cường lực; Riêng phòng hội trường thiết kế vật liệu cửa, nền, sàn, trần, trang âm, nội thất ... chuyên dụng để đảm bảo công năng sử dụng.

b) Kết cấu:

Giải pháp kết cấu chủ yếu: Kết cấu khung kết hợp sàn BTCT chịu lực, dầm dự ứng lực. Móng cọc BTCT ly tâm dự ứng lực đúc sẵn D400 dài khoảng (22,5-22,8)m, chiều sâu hạ cọc khoảng -24,0m so với cao độ hoàn thiện; kết cấu chịu lực chính (đài móng, dầm móng, dầm, sàn, cầu thang) sử dụng bê tông cấp bền B35 và kết cấu phụ (bổ trụ, giằng tường, lanh tô) sử dụng bê tông cấp bền B20; cốt thép có đường kính $< 10\text{mm}$ sử dụng thép CB240-T và đường kính $\geq 10\text{mm}$ sử dụng CB400-V.

c) Hệ thống cấp điện:

- Cấp điện: Nguồn điện cấp cho công trình được đầu nối từ 02 trạm biến áp xây dựng mới (dung lượng 630kVA và 320kVA) và từ máy phát điện dự phòng 3 pha, 50Hz, 630kVA.

- Dây nguồn chính cấp điện cho khối nhà sử dụng cáp ngầm CXV/DSTA $4 \times (2 \times 1 \text{Cx}300\text{mm}^2 + 1 \times 1 \text{Cx}240\text{mm}^2)$ đi ngầm trong ống nhựa HDPE $4 \times \text{D}150$.

- Hệ thống chiếu sáng bên trong sử dụng đèn Led đơn 1,2m-24W, đèn Led đôi 1,2m-2x24W, đèn Led âm trần 7W, 9W, 12W, 15W, 18W,...

- Chiếu sáng ngoài nhà gồm: Hệ thống chiếu sáng cảnh quan Trung tâm Hội nghị và chiếu sáng cảnh quan khu quảng trường. Hệ thống chiếu sáng gồm

05 tủ điện, cột đèn chiếu sáng 8m, cột đèn chiếu sáng 12m, cột đèn trang trí cao 3,8m.

d) Hệ thống cấp, thoát nước:

- Hệ thống cấp nước Trung tâm Hội nghị: Nguồn nước lấy từ hệ thống cấp nước sạch của thành phố. Nước được bơm từ bể nước ngầm lên các bồn nước Inox 5.000 lít đặt mái khối nhà, sau đó cấp xuống các tầng để phân phối đến các thiết bị sử dụng. Đường ống cấp nước sử dụng ống nhựa PPR.

- Hệ thống thoát nước: Nước thải từ bồn cầu, chậu tiểu được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải và thoát ra hệ thống mạng lưới thoát nước đô thị. Đường ống thoát nước dùng ống nhựa uPVC. Hệ thống nước mưa được thu gom riêng và thải trực tiếp ra đường cống thoát nước mưa bên ngoài.

- Hệ thống tưới nước cảnh quan: tưới phun cho các khu vực cảnh quan thảm cỏ, sử dụng hệ thống tưới nước tự động.

đ) Thông gió và điều hòa không khí: Điều hòa không khí sử dụng hệ thống điều hòa trung tâm, dàn nóng đặt trên mái công trình. Hệ thống cấp gió tươi đảm bảo lưu lượng tối thiểu 20m³/h.

e) Hệ thống chống sét: Bảo vệ chống sét đánh thẳng sử dụng kim thu sét tia tiên đạo bán kính bảo vệ 71m đặt trên mái công trình. Hệ thống tiếp địa sử dụng cọc đồng D16 dài 2,4m thả vào giếng khoan.

g) Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật:

- Sân đường nội bộ: San gạt mặt bằng hiện trạng. Sân đường được lát đá bazan.

- Thoát nước mưa: Thiết kế quanh khối nhà và dọc sân đường nội bộ. Thoát nước sử dụng cống tròn BTCT Ø400. Nước được thu gom và đầu nối thoát ra hệ thống thoát nước hiện trạng trên đường Cao Bá Quát.

- Thoát nước thải: Sử dụng cống Ø200 đầu nối từ các hầm tự hoại dẫn về trạm xử lý nước thải đặt tại Khu hội chợ triển lãm ngoài trời.

- Bể nước ngầm: Kích thước (LxBxH)=(6,5x4,5x2,25) m. Bể đặt ngầm, kết cấu bằng BTCT.

- Bể nước PCCC: Kích thước (LxBxH)=(26,4x15,5x2,15) m. Bể đặt ngầm, kết cấu bằng BTCT.

4.3.3. Khu hội chợ triển lãm ngoài trời tại khu đất CX:

a) San nền: Tổng diện tích san nền khoảng 26.190m². Toàn bộ diện tích được đắp với với khoảng 50.800m³, chiều cao đắp (0-2,5) m, hướng thoát nước về phía đường Cao Bá Quát. Hệ số đầm chặt $k \geq 0,85$. Mái taluy được gia cố bằng tấm lát BTCT (40x40x6) cm trong khung sườn BTCT.

b) Quảng trường + triển lãm ngoài trời + công viên: Được thiết kế sân quảng trường, lối đi bộ kết hợp trồng cỏ Lá Gừng. Sân và các lối đi bộ được lát đá granite trên nền bê tông đá 1x2 M200 dày 10cm.

c) Bãi đỗ xe: Được thiết kế có cấu tạo từ trên xuống gồm: Bê tông nhựa dày 7cm, lớp cấp phối đá dăm D_{max}=25 dày 30cm, đất đầm chặt $k \geq 0,98$ dày

5cm, đất san nền đầm chặt $k \geq 0,95$.

đ) Sân khấu ngoài trời: Thiết kế hình tròn có đường kính 24m. Mặt sân sân khấu cao hơn cao độ hoàn thiện bên ngoài 0,75m. Mặt hoàn thiện lát đá granite xẻ rãnh trên lớp bê tông đá 1x2 M200 dày 10cm.

e) Nhà vệ sinh công cộng: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 73m²; chiều cao thông thủy bên trong khu vệ sinh khoảng 2,6m, chiều cao nhà 4,4m, nền cao hơn cao độ ngoài nhà 0,3m; nền lát gạch bê tông, tường ốp đá, mái lát đá slate trên sàn bê tông. Kết cấu móng đơn đặt trên nền tự nhiên kết hợp khung sàn BTCT chịu lực.

g) Bể nước ngầm: Kích thước (LxBxH)=(4,5x3,5x2,25) m. Bể đặt ngầm, kết cấu bằng BTCT.

h) Thoát nước mưa: Thiết kế quanh khu quảng trường và dọc các lô trồng cỏ của khu triển lãm ngoài trời và công viên. Thoát nước sử dụng cống tròn BTCT Ø400. Nước được thu gom và đầu nổi thoát ra hệ thống thoát nước hiện trạng trên đường Cao Bá Quát đối với khu phía Bắc kênh N6 và chờ đầu nổi ra đường 30-4 (thoát tạm thời ra hiện trạng) đối với khu phía Nam kênh N6.

k) Thoát nước thải:

- Phân đường ống: Sử dụng ống Ø200 đầu nổi từ các hầm tự hoại của khối nhà hội nghị và nhà vệ sinh công cộng dẫn về trạm xử lý để xử lý trước khi đầu nổi thoát vào hệ thống thoát nước mưa.

- Trạm xử lý:

+ Phần xây dựng: Thiết kế dạng bể đặt ngầm bằng kết cấu BTCT, kích thước (LxBxH)=(4,5x3,5x2,25) m.

+ Phần công nghệ: Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt sử dụng cho Trạm xử lý nước thải Trung tâm Hội nghị và Triển lãm tỉnh áp dụng theo phương pháp vi sinh, kết hợp với phương pháp xử lý cơ học và hoá lý với quy trình công nghệ như sau: Nước thải phát sinh → Bể gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận nước thải đầu ra là cống thoát nước của thành phố gần khu vực dự án (nước thải đầu ra đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B).

4.3.4. Khu bãi đỗ xe, cây xanh, thảm cỏ tại khu đất P-07:

a) San nền: Tổng diện tích san nền khoảng 4.000m². Toàn bộ diện tích được đắp với khoảng 5.440m³, chiều cao đắp (0-1,9) m, hướng thoát nước về phía đường Cao Bá Quát. Hệ số đầm chặt $k \geq 0,85$.

b) Bãi đỗ xe + cây xanh: Toàn bộ diện tích được thiết kế bãi đỗ xe kết hợp trồng cây xanh thảm cỏ xung quanh. Kết cấu bãi đỗ xe có cấu tạo từ trên xuống gồm: Bê tông nhựa dày 7cm, lớp cấp phối đá dăm D_{max}=25 dày 30cm, đất đầm chặt $k \geq 0,98$ dày 5cm, đất san nền đầm chặt $k \geq 0,95$.

c) Thoát nước mưa: Thiết kế quanh khu bãi đỗ xe. Thoát nước sử dụng cống tròn BTCT Ø400. Nước được thu gom và đầu nổi thoát ra hệ thống thoát nước hiện trạng trên đường Cao Bá Quát.

4.3.5. Kênh N6 (đoạn qua Trung tâm Hội nghị và Triển lãm tỉnh):

Chiều dài kênh là 255,0 m. Kênh thiết kế là kênh hộp, bố trí hồ thăm (có nắp đáy), kích thước kênh (BxH) = (210x170) cm, độ dốc $i = 0,00017$, hệ số nhám $n = 0,017$. Kết cấu kênh bằng bê tông cốt thép M250.

4.3.6. Hệ thống cấp điện:

a) Phần đường dây trung thế xây dựng mới:

- Kết cấu lưới điện và dây dẫn: Cấp điện áp 22kV, 3 pha – 3 dây; chọn dây 3 pha 3 dây đi nổi loại dây nhôm bọc lõi thép trung thế AC/XLPE-70 mm²; chọn cáp ngầm trung thế ruột đồng, lõi thép, cách điện XLPE, vỏ PVC. Ký hiệu, Cu/XLPE/DATA/PVC(1x70) mm² – 24kV.

- Các giải pháp kỹ thuật phần xây dựng: Mương cáp ngầm trung thế đi trong đất của vỉa hè có độ sâu chôn cáp là 1m so với mặt nền, cáp được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE D85/60.

b) Phần trạm biến áp:

- Kết cấu và dung lượng trạm: 02 Máy biến áp có công suất là 630kVA- 22/0,4kV và 320kVA- 22/0,4kV để cấp nguồn cho dự án; Máy biến áp 3 pha, cấp điện áp 22/0,4kV; Kết cấu Trạm được xây dựng ngoài trời, không tường rào bảo vệ, máy biến áp được đặt trên trạm biến áp 1 cột bằng thép.

- Sơ đồ nối điện chính: Phía đường dây 22kV của Máy biến áp sử dụng 01 tủ RMU 24kV; phía 0,4kV của máy biến áp, bên trong tủ điện 400V gồm 01 lộ tổng.

- Các biện pháp bảo vệ: Chọn hệ tiếp địa TBA nối đất chung kiểu LR-16 gồm 16 cọc bằng thép L63x63x6 dài 2,5m làm cọc tiếp đất, các cọc được đóng sâu dưới mặt đất 0,7 m; liên kết các cọc bằng thép tròn CTΦ 12 mạ kẽm; Tất cả các chi tiết nối đất đều được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ không được nhỏ hơn 85 μm.

- Phần xây dựng: Trạm biến áp được xây dựng theo kiểu trạm 1 cột thép ngoài trời, máy biến áp đặt trên bệ đỡ của cột thép rỗng, bên trong cột thép có ngăn tủ hạ thế.

c) Phần đường dây 0,4kV

- Dây dẫn: Dây dẫn cáp ngầm hạ áp dùng loại cáp 4 lõi bằng đồng có băng thép bảo vệ và lớp cách điện là XLPE, vỏ bọc PVC.

- Các biện pháp bảo vệ: Sử dụng aptômat 3 pha 3 cực 250A để bảo vệ cho xuất tuyến thuộc trạm biến áp xây dựng mới; Tại tủ điện sinh hoạt bố trí một hệ thống tiếp địa kiểu LR-4.

- Phần xây dựng đường dây: Móng tủ điện được đúc tại chỗ bằng bê tông cốt thép M200, đá 1x2; lót móng bằng bê tông M150 đá 4x6; tủ điện phục vụ triển lãm được gắn chặt trên móng tủ bằng bulông.

4.3.7. Hạ tầng điện nhẹ:

a) Hệ thống mạng nội bộ: Hệ thống mạng máy tính trong công trình được thiết kế theo kiến trúc mạng phân tầng (Distribution Network).

b) Hệ thống mạng không dây Wifi: Thiết kế dòng WiFi 6 (Wi-Fi 6).

c) Hệ thống điện thoại nội bộ: sử dụng hệ thống cáp Cat6 và kết nối chung với switch của hệ thống mạng nội bộ.

d) Hệ thống camera giám sát: Camera được sử dụng trong tòa nhà là loại IP, góc quan sát rộng, độ phân giải rõ nét, có chức năng PoE (Cấp nguồn qua Switch PoE); Camera khu vực bên ngoài và khu vực hội trường sử dụng Camera IP có khả năng điều khiển hướng và phóng to, thu nhỏ hình ảnh (Pan Tilt Zoom); Thiết bị lưu trữ đảm bảo đồng bộ với Camera, Dung lượng lưu trữ được trong vòng 30 ngày.

đ) Hệ thống phát thanh công cộng – AP: Đảm bảo hoàn toàn tuân thủ tiêu chuẩn nghiêm ngặt EN 54 và ISO 7240-16 cho đến 120 vùng, với các ưu điểm mở rộng vùng, thiết kế hệ thống với cửa sổ phù hợp và trực tuyến.

e) Hệ thống Hội nghị truyền hình: Hệ thống hội nghị truyền hình theo chuẩn H.323 hoạt động hoàn toàn dựa trên mô hình mạng IP.

g) Hệ thống màn hình LED: Màn hình LED P2.5 cố định kích thước 12160 x 6080 mm, độ phân giải lên đến 4864 x 2688; Ghép nối được với hệ thống hội nghị truyền hình; Video wall đáp ứng được nhiều kịch bản trình chiếu, hội họp, biểu diễn khác nhau.

h) Hệ thống Lưu trữ điện – UPS: sử dụng bộ lưu điện 3 pha 20kva để cung cấp cho toàn bộ hệ thống mạng, wifi, điện thoại, âm thanh thông báo và server.

2.8. Thiết bị:

- Trạm biến áp.
- Thiết bị cho Trạm xử lý nước thải.
- Thiết bị cho khối Hội nghị triển lãm.
- Thiết bị hệ thống PCCC.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Winhouse, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tín An và Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây lắp ATAT.

- Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Khảo sát thiết kế kiểm định Công trình SC.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: Phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 41.360m².

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Nhóm B.
- Loại công trình, cấp công trình:
- + Khối nhà Hội nghị và Triển lãm: Công trình dân dụng, Cấp II.

- + Nhà vệ sinh công cộng: Công trình dân dụng, Cấp IV.
- + Các hạng mục còn lại: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.
- + Hệ thống cấp điện: Công trình năng lượng, cấp IV.
- + Kênh N6 (đoạn qua Trung tâm Hội nghị và Triển lãm tỉnh): Công trình thủy lợi cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Từ 20 năm đến dưới 50 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, QCVN 01:2021/BXD, QCVN 02:2009/BXD, QCVN 03:2012/BXD, QCXDVN 05:2008/BXD, QCVN 06 : 2021/BXD, QCVN 09: 2017/BXD, QCVN 10:2014/BXD, TCVN 4319 : 2012, TCVN 4601:2012, TCVN 9369:2012, TCXDVN 264:2002, TCVN 9255:2012 (ISO 9836:2011), TCVN 7505 : 2005, TCXDVN 264:2002, Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 của Bộ Xây dựng về Quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng, TCVN 2737:1995, TCVN 9386-1:2012, TCVN 9386-2:2012, TCVN 5574:2018, TCVN 5575:2012, TCVN 10304:2014, QCVN 12:2014/BXD, Quy phạm trang thiết bị điện 18/TCN đến 21/TCN 2006, TCVN 7447-2011, TCVN 9206:2012, TCVN 9207:2012, TCVN 9888:2013, TCVN 4513:1988; TCVN 4474:1987, TCVN 7957:2008, TCXDVN 33:2006, QCVN14-2008/BTNMT, TCVN 5673:1992, QCVN 26:2010/BTNMT, TCVN 5687 : 2010, TCVN 2622:1995

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư: **300.000.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng chẵn*).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB:	10.000.000.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	182.472.230.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	52.281.252.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	3.091.404.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	10.898.978.000 đồng
- Chi phí khác:	2.600.780.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	38.655.356.000 đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022 - 2025.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Ngân sách Trung ương 200 tỷ đồng và ngân sách địa phương phần còn lại (Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 12/10/2021).

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh tổ chức quản lý dự án.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Lập, phê duyệt

phương án bồi thường GPMB theo quy định hiện hành.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, chủ đầu tư chịu trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt, sớm đưa dự án vào khai thác, phát huy có hiệu quả.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 2106/SXD-QLHĐXD ngày 04/10/2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KGVXthiên518.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

